

# SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

## ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

*Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10/11/2022 (sau đây viết tắt là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 10/2022/L-CTN ngày 21/11/2022; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023.*

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ<sup>1</sup>

Thế chế hóa chủ trương của Đảng tại Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hiện nay, các nội dung chủ yếu về thực hiện dân chủ ở cơ sở cơ bản được điều chỉnh tại 4 văn bản gồm: (1) Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan; (2) Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; (3) Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; (4) Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Các văn bản nêu trên đã quy định tương đối đầy đủ các nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước tại thời điểm ban hành, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân và của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở, tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống chính trị - xã hội ở nước ta.

Kết quả thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã góp phần xây dựng môi trường chính trị dân chủ, cởi mở, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ, tạo động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở mỗi địa phương và trên phạm vi cả nước. Thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập đã làm chuyển biến về ý thức, đạo đức, phong

---

<sup>1</sup> Tờ trình số 56/TTr-CP ngày 4/3/2022 của Chính phủ về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người có chức vụ, quyền hạn theo hướng gần dân, trọng dân và có trách nhiệm với Nhân dân; vai trò của cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được phát huy thông qua việc đóng góp ý kiến xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển của cơ quan và đơn vị. Thực hiện dân chủ tại các loại hình doanh nghiệp đã bảo đảm quyền của người lao động được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát và được quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cải thiện đời sống của người lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong thời gian qua, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, Đảng đã có nhiều chỉ đạo cụ thể liên quan đến phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và yêu cầu hoàn thiện thể chế về dân chủ ở cơ sở; Hiến pháp năm 2013 và các luật ban hành sau Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới liên quan đến quyền làm chủ và quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của Nhân dân. Đồng thời, thực tiễn thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời gian qua cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế như: (i) nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (ii) phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thực hiện dân chủ ở cơ sở được quy định ở nhiều văn bản có giá trị pháp lý khác nhau, chưa thống nhất, đồng bộ, toàn diện; (iii) trách nhiệm bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở thiếu cụ thể, thiếu chế tài xử lý; (iv) vai trò tham gia và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đối với việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân chưa rõ ràng; (v) sáng kiến của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được đề cao,...

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở nêu trên thì việc nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở là cần thiết.

## II. BỐ CỤC CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM 2022

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 gồm 06 chương, 91 điều, cụ thể:

**1. Chương 1: Những quy định chung:** Gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) nguyên tắc thực hiện; (4) phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở; (5) Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; (6) Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở

cơ sở; (7) quyền thụ hưởng của công dân; (8) các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; (9) các hành vi bị nghiêm cấm; (10) xử lý pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**2. Chương 2: Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn:** Gồm 04 mục, 35 điều (từ Điều 11 đến Điều 45), cụ thể:

- **Mục 1: Công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn:** Gồm 04 điều, quy định về: (1) Những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai; (2) Hình thức và thời điểm công khai thông tin; (3) Lựa chọn hình thức công khai thông tin; (4) Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin.

- **Mục 2: Nhân dân bàn và quyết định:** Gồm 10 điều, quy định về: (1) Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; (2) Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định; (3) Hình thức Nhân dân bàn và quyết định; (4) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; (5) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; (6) Quyết định của cộng đồng dân cư; (7) Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư; (8) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư; (9) Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư; (10) Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

- **Mục 3: Nhân dân tham gia ý kiến:** Gồm 05 điều, quy định về: (1) Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; (2) Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến; (3) Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành; (4) Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến; (5) Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường, thị trấn.

- **Mục 4: Nhân dân kiểm tra, giám sát:** Gồm 16 điều, quy định về:

+ **Tiểu mục 1: Nội dung, hình thức kiểm tra, giám sát,** Gồm 06 điều, quy định về: (1) Nội dung kiểm tra, giám sát; (2) Hình thức kiểm tra, giám sát; (3) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; (4) Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư; (5) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân; (6) Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát.

+ **Tiểu mục 2: Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn,** Gồm 05 điều, quy định về: (1) Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; (2) Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; (4)

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; (5) Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

+ *Tiểu mục 3: Ban giám sát đầu tư của cộng đồng*, Gồm 05 điều, quy định về: (1) Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; (2) Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; (4) Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; (5) Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

**3. Chương 3: Thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị:** Gồm 03 mục, 18 điều (*từ Điều 46 đến Điều 63*), cụ thể:

- **Mục 1: Công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị:** Gồm 03 điều, quy định về: (1) Những nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai; (2) Hình thức và thời điểm công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị; (3) Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị.

- **Mục 2: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến:** Gồm 04 điều, quy định về: (1) Những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định; (2) Hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định; (3) Tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; (4) Trách nhiệm trong việc tổ chức để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- **Mục 3: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định:** Gồm 03 điều, quy định về: (1) Những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; (2) Hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến; (3) Trách nhiệm trong việc tổ chức để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến.

- **Mục 4: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát:**

+ *Tiểu mục 1: Nội dung, hình thức kiểm tra, giám sát:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát; (2) Hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát; (3) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; (4) Trách nhiệm trong việc bảo đảm để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát.

+ *Tiểu mục 2: Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; (2) Nhiệm

vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; (3) Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; (4) Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị.

**4. Chương 4: Thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động:** Gồm 02 mục, 19 điều (từ Điều 64 đến Điều 82), cụ thể:

**- Mục 1: Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước:**

+ *Tiểu mục 1: Công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước:* Gồm 03 điều, quy định về: (1) Những nội dung doanh nghiệp nhà nước phải công khai; (2) Hình thức và thời điểm công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước; (3) Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước.

+ *Tiểu mục 2: Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước bàn và quyết định:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Những nội dung người lao động bàn và quyết định; (2) Hình thức người lao động bàn và quyết định; (3) Tổ chức hội nghị người lao động; (4) Trách nhiệm trong việc tổ chức để người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể người lao động.

+ *Tiểu mục 3: Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước tham gia ý kiến:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Những nội dung người lao động tham gia ý kiến; (2) Hình thức người lao động tham gia ý kiến; (3) Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc; (4) Trách nhiệm trong việc tổ chức để người lao động tham gia ý kiến.

+ *Tiểu mục 4: Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước kiểm tra, giám sát:* Gồm 07 điều, quy định về: (1) Nội dung người lao động kiểm tra, giám sát; (2) Hình thức người lao động kiểm tra, giám sát; (3) Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; (4) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; (5) Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; (6) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của người lao động; (7) Trách nhiệm trong việc bảo đảm để người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát.

**- Mục 2: Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài nhà nước:** Gồm 01 điều, quy định về thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước.

**5. Chương 5: Tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở:** Gồm 07 điều (từ Điều 83 đến Điều 89), quy định về: (1) Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (2) Trách nhiệm của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước; (3) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; (4) Trách nhiệm của Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ; (5) Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; (6) Trách nhiệm của Công đoàn Việt Nam các cấp; (7) Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác.

**6. Chương 6. Điều khoản thi hành:** Gồm 02 điều (*từ Điều 90 đến Điều 91*), quy định về: (1) Hiệu lực thi hành; (2) Áp dụng pháp luật và quy định chuyên tiếp.

### **III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM 2022**

#### **1. Những quy định chung**

##### ***1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)***

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Phạm vi “cơ sở” được xác định là xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*) và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (*gọi chung là cơ quan, đơn vị*); doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động (*gọi chung là doanh nghiệp*), là nơi trực tiếp công khai thông tin, tổ chức lấy ý kiến, thực hiện các quyết định và chịu sự kiểm tra, giám sát của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

##### ***1.2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 3)***

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở phải đảm bảo 06 nguyên tắc sau:

(1) Bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

(2) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

(3) Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

(4) Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

(5) Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

(6) Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 cơ bản kế thừa 05 nguyên tắc quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (viết tắt là Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11), đồng thời bổ sung nguyên tắc “*Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân*” và một số nội dung trong nguyên tắc của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, như: vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động; tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### ***1.3. Phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 4).***

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở như sau”

*“1. Mọi công dân thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú.*

*2. Công dân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi mình công tác. Trường hợp cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định.*

*3. Công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động. Trường hợp tổ chức có sử dụng lao động có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại điều lệ, nội quy, quy định, quy chế của tổ chức có sử dụng lao động và pháp luật có liên quan”.*

Theo đó, thực hiện dân chủ ở cơ sở được thực hiện tại 02 nơi là nơi cư trú và nơi làm việc.

### ***1.4. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền thụ hưởng của công dân (Điều 5, Điều 6, Điều 7)***

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Luật Thực

hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định cụ thể công dân có 04 quyền và 05 nghĩa vụ trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 cùng bổ sung quy định về quyền thụ hưởng của công dân, cụ thể:

- Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

- Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

- Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

### ***1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 9)***

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định 05 nhóm hành vi bị nghiêm cấm. Luật đã cơ bản kế thừa các hành vi bị nghiêm cấm trong Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, đồng thời bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm như: (1) Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở; (2) Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

## **2. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Chương II)**

### ***2.1. Công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn***

#### ***a) Những nội dung phải công khai***

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định 14 thông tin mà chính quyền địa phương phải công khai, trong đó cơ bản kế thừa 11 thông tin phải được công khai quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11; đồng thời bổ sung một số nội dung phải công khai thông tin cho phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, như:



- Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cấp xã.

- Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

- Kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã;

- Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương cấp xã;

- Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn cấp xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn cấp xã;

- Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn cấp xã.

#### *b) Hình thức công khai*

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 quy định có 03 hình thức công khai thông tin. Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 ngoài việc kế thừa 03 hình thức công khai thông tin của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1, còn bổ sung 07 hình thức công khai thông tin, gồm: (1) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã; (2) Gửi văn bản đến công dân; (3) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; (4) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; (5) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở; (6) Thông qua mạng viễn thông, mạng

xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố; (7) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

### *c) Thời điểm công khai thông tin*

Theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 thì thời hạn mà chính quyền cấp xã phải công khai thông tin là chậm nhất là 02 ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 đã kéo dài thời hạn công khai thông tin từ 02 ngày lên 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai.

Thời gian niêm yết công khai thông tin theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đều là ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Luật còn quy định thời gian công khai trong một số trường hợp như: Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức; các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thực hiện phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật khi có sự thay đổi.

Việc Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã (nếu có) trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục.

## **2.2. Nhân dân bàn và quyết định**

### *a) Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định 06 nội dung Nhân dân bàn và quyết định gồm:

(1) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

(2) Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

(3) Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

(4) Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

(5) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

(6) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã kế thừa 03 nội dung Nhân dân bàn và quyết định của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 và bổ sung 03 nội dung liên quan đến các khoản đóng góp của nhân dân, các công việc nội bộ của cộng đồng dân cư.

Để thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định, Luật còn bổ sung quy định việc đề xuất nội dung Nhân dân bàn và quyết định, theo đó: Chủ tịch UBND xã sau khi thống nhất với Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam cùng cấp quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

#### *b) Hình thức Nhân dân bàn và quyết định*

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 quy định 02 hình thức Nhân dân bàn và quyết định, đó là: (1) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; (2) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, ngoài việc kế thừa 02 hình thức Nhân dân bàn và quyết định, còn bổ sung thêm hình thức “*Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn*”. Ngoài ra, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 còn bổ sung điều khoản quy định về trình tự, thủ tục họp cộng đồng dân cư, phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

#### *c) Quyết định của cộng đồng dân cư*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 bổ sung quy định về nội dung, hình thức của quyết định cộng đồng dân cư.

Về Hình thức quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

Về nội dung của quyết định của cộng đồng dân cư gồm: (1) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định; (2) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự; (3) Nội dung cộng đồng dân cư bàn; (4) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định; (5) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình; (6) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư; (7) Chữ ký của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và 02 đại diện của các hộ gia đình.

*d) Hiệu lực của quyết định cộng đồng dân cư*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định:

Đối với nội dung: Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức; việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, thì được thông qua khi có từ **hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, tổ dân phố tán thành**.

Đối với các nội dung còn lại được thông qua khi có **trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành**.

So với Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1, Luật có điểm mới là đã tách thành 02 trường hợp để tính tỷ lệ (*Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 quy định tất cả các trường hợp được thông qua khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành*).

*đ) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã bổ sung quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư, theo đó, quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(1) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

(2) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

(3) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

### **2.3. Nhân dân tham gia ý kiến**

*a) Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định*

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 quy định có 05 nhóm nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 ngoài kế thừa 05 nhóm nội dung còn bổ sung thêm 04 nhóm nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, gồm:

(1) Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

(2) Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

(3) Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn (nếu có).

(4) Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã.

#### *b) Hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến*

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 quy định 03 hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến, gồm: (1) Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; (2) Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; (3) Thông qua hòm thư góp ý.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 bổ sung 05 hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ, đó là: (1) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; (2) Thông qua Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; (3) Thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã; (4) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố; (5) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân.

*c) Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến*

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 chỉ quy định việc UBND cấp xã xây dựng kế hoạch để lấy ý kiến Nhân dân, không quy định rõ thời gian lấy ý kiến Nhân dân là bao lâu. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định rõ thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

*d) Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường, thị trấn*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 bổ sung quy định về trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường, thị trấn, như sau:

- Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

**2.4. Nhân dân kiểm tra, giám sát**

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 chỉ quy định nội dung Nhân dân giám sát (không quy định về kiểm tra), Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định về Nhân dân kiểm tra, giám sát, cụ thể:

*a) Những nội dung nhân dân kiểm tra, giám sát*

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định:

- Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định.

- Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

*b) Hình thức kiểm tra, giám sát*

Ngoài việc kế thừa quy định của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 về Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật, thì Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 còn bổ sung Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua: Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư; Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã...

*c) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân*

Đây là quy định mới của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. Quy định này phù hợp với Điều 125 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2019*), cụ thể: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

Bên cạnh việc quy định trao đổi, đối thoại giữa UBND cấp xã với Nhân dân, Luật còn bổ sung, định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị của cộng đồng dân cư.

### ***2.5. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng***

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH1 không quy định về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng mà Ban Thanh tra nhân dân được quy định trong Luật Thanh tra, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng được quy định tại Luật Đầu tư công.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã bổ sung quy định về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, theo đó:

- Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

- Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

### **3. Thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị (Chương III)**

Hiện nay, việc thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã nâng các quy định thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị ở Nghị định thành quy định trong Luật.

- Bên cạnh việc kế thừa các quy định của Nghị định 04/2015/NĐ-CP, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã bổ sung những nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai như:

+ Tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng;

+ Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch, chương trình đầu tư công của cơ quan, đơn vị, vốn bố trí theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công cho từng dự án; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án; kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án; quyết toán vốn đầu tư công.

- Bên cạnh đó, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 còn bổ sung quy định những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định như:

+ Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị.

+ Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị ngoài các khoản đã được pháp luật quy định.

+ Nội dung nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

+ Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan, đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

- Việc thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị có một số điểm mới như:



+ Bổ sung các hình thức công khai thông tin, lấy ý kiến thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ, đăng trên cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị;

+ Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra và giám sát;

+ Bổ sung hình thức giám sát thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4. Thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động (Chương IV)**

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã quy định cụ thể về thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động, trong đó quy định về những nội dung doanh nghiệp nhà nước phải công khai; những nội dung người lao động bàn và quyết định; những nội dung người lao động tham gia ý kiến; nội dung người lao động kiểm tra, giám sát; thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước.

#### **5. Tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở (Chương V)**

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định cụ thể trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó giao Bộ Nội vụ có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động.

Quy định cụ thể trách nhiệm của: các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước; Ủy ban nhân dân các cấp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Công đoàn Việt Nam các cấp; các tổ chức chính trị - xã hội khác.

#### **6. Điều khoản thi hành (Chương VI)**

**6.1. Hiệu lực thi hành:** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

#### **6.2. Áp dụng pháp luật và quy định chuyển tiếp**

- Trường hợp luật khác ban hành trước ngày 01/7/2023 có quy định cụ thể về nội dung, hình thức, thời hạn, trình tự, thủ tục công khai thông tin, lấy ý kiến tham gia của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các lĩnh vực cụ thể thì thực hiện theo quy định của luật đó.

- Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các văn

bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức mình, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, các quyết định khác của cộng đồng dân cư được công nhận, thông qua trước ngày 01/7/2023 thì tiếp tục thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

để  
tuyên  
truyền

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**